

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CƯ YANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-UBND

Cư Yang, ngày tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH

**Thực hiện chỉ tiêu hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo cuối năm 2026
trên địa bàn xã Cư Yang**

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành kế hoạch về thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2026;

Nghị Quyết số 16/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của HĐND xã Cư Yang về mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - Xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Cư Yang về việc công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; Hộ nghèo thoát nghèo, thoát cận nghèo năm 2025;

UBND xã xây dựng kế hoạch giao chỉ tiêu thoát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn các thôn, buôn như sau:

I. THỰC TRẠNG NGHÈO, MỤC ĐÍCH YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CƯ YANG

1. Thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025

Xã Cư Yang là xã vùng III, vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh Đắk Lắk, có tổng dân số 16.892 người với 3.763 hộ dân, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm hơn 57%, đời sống kinh tế xã hội của người dân còn gặp nhiều khó khăn. Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều cuối năm 2025 thì tổng số hộ nghèo trên địa bàn xã là 337 hộ chiếm 8,95%, số hộ cận nghèo 257 hộ chiếm 6,83%.

2. Mục đích

- Cụ thể hóa chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2026 được giao; làm cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả công tác giảm nghèo trên địa bàn xã.

- Nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống Nhân dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới.

- Phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy, sự quản lý, điều hành của chính quyền; huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong công tác giảm nghèo.

3. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện kế hoạch phải bám sát chỉ tiêu được giao; xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và từng nhóm đối tượng.

- Tổ chức thực hiện phải đồng bộ, hiệu quả; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể và các thôn, buôn.

- Việc hỗ trợ giảm nghèo phải đúng đối tượng, công khai, minh bạch; gắn với nhu cầu thực tế và khả năng vươn lên của hộ nghèo, tránh trùng lặp, dàn trải nguồn lực.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; đảm bảo hoàn thành và phấn đấu vượt chỉ tiêu đề ra.

II. MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO NĂM 2026

1. Mục tiêu chung

- Giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo và không phát sinh hộ nghèo mới, từng bước nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 4,09%; hộ cận nghèo giảm 0,69% (theo chỉ tiêu giao của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 02/6/2026)

3. Chỉ tiêu cụ thể

- Số hộ thoát nghèo: 154 hộ; số hộ thoát cận nghèo 26 hộ

- Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2026 còn khoảng 4,87% (tương đương 183 hộ); tỷ lệ hộ cận nghèo còn khoảng 6,14% (tương đương 231 hộ).

(có Phụ lục giao chỉ tiêu kèm theo)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hỗ trợ sản xuất

- Tổ chức triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; ưu tiên hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán sản xuất của địa phương.

- Hướng dẫn hộ nghèo áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

- Xây dựng, nhân rộng các mô hình sinh kế hiệu quả như: chăn nuôi, trồng trọt, kinh tế vườn, mô hình sản xuất theo nhóm hộ; tạo điều kiện để hộ nghèo tham gia các mô hình liên kết sản xuất.

- Gắn hỗ trợ phát triển sản xuất với đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật; nâng cao năng lực sản xuất, quản lý kinh tế hộ gia đình cho người dân.

- Khuyến khích phát triển kinh tế hộ, kinh tế hợp tác; hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm, từng bước hình thành chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ bền vững.

- Lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án để hỗ trợ sinh kế; đảm bảo sử dụng hiệu quả, tránh trùng lặp, dàn trải.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai các mô hình hỗ trợ sản xuất; kịp thời tháo gỡ khó khăn, nhân rộng các mô hình hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Chỉ tiêu cụ thể: Hỗ trợ mô hình sinh kế cho 150 hộ nghèo thoát nghèo.

2. Hỗ trợ tín dụng

- Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng triển khai kịp thời các chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách theo quy định.

- Tạo điều kiện thuận lợi để hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận nguồn vốn vay; thực hiện bình xét đúng đối tượng, công khai, minh bạch, đảm bảo vốn vay đến đúng người thụ hưởng.

- Hướng dẫn hộ vay xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp; sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả; gắn vay vốn với phát triển sinh kế và tạo việc làm ổn định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các trường hợp sử dụng vốn sai mục đích, kém hiệu quả.

- Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác trong quản lý nguồn vốn vay; nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ tiết kiệm và vay vốn tại thôn, buôn.

- Lồng ghép nguồn vốn tín dụng ưu đãi với các chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, góp phần giảm nghèo bền vững.

- Thực hiện tốt công tác thu hồi nợ đến hạn, hạn chế nợ quá hạn; nâng cao ý thức trách nhiệm của người vay trong việc trả nợ và sử dụng vốn.

- Chỉ tiêu cụ thể: Hỗ trợ cho 180 hộ nghèo được tiếp cận vốn vay ưu đãi chính sách giảm nghèo, mỗi hộ nghèo được vay vốn từ 50 đến 100 triệu đồng/hộ, tương ứng với số tiền vay từ 9 tỷ đến 18 tỷ đồng.

3. Giải quyết việc làm, đào tạo nghề

- Tổ chức rà soát nhu cầu học nghề, việc làm của lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; xây dựng kế hoạch đào tạo nghề phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề tổ chức các lớp đào tạo nghề ngắn hạn, thiết thực, gắn với nhu cầu thị trường lao động, ưu tiên các nghề phù hợp với lao động nông thôn.

- Tăng cường tư vấn, giới thiệu việc làm; kết nối với doanh nghiệp trong và ngoài địa phương để tạo việc làm ổn định cho người lao động sau đào tạo.

- Khuyến khích, hỗ trợ người lao động tham gia làm việc tại các khu công nghiệp, khu kinh tế và tham gia xuất khẩu lao động theo quy định.

- Lồng ghép các chương trình, dự án để hỗ trợ chi phí học nghề, tạo việc làm; góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân.

- Chỉ tiêu cụ thể: Hỗ trợ mô hình sinh kế tạo việc làm cho 180 hộ nghèo có việc làm ổn định, tạo thu nhập từ mô hình. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài trong số lao động của 180 hộ nghèo, cận nghèo.

4. Chính sách an sinh xã hội

- Triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và các chính sách an sinh xã hội khác theo quy định của Nhà nước.

- Thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; đảm bảo người dân được tiếp cận dịch vụ khám, chữa bệnh.

- Quan tâm hỗ trợ các đối tượng yếu thế như người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; đảm bảo ổn định cuộc sống.

- Hỗ trợ học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trong tiếp cận giáo dục; hạn chế tình trạng bỏ học do khó khăn kinh tế.

- Chỉ tiêu cụ thể: 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận chính sách hỗ trợ thẻ BHYT, chính sách hỗ trợ chi phí học tập và các chính sách khác theo quy định.

5. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giảm nghèo bền vững đến toàn thể Nhân dân.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và người dân trong công tác giảm nghèo; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, vươn lên thoát nghèo.

- Tăng cường tuyên truyền các mô hình hay, cách làm hiệu quả; biểu dương, nhân rộng các điển hình thoát nghèo bền vững.

- Phê phán, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

- Chỉ tiêu cụ thể: Phòng Kinh tế phối hợp các ban, ngành liên quan tổ chức các đợt truyền thông giảm nghèo tại các thôn, buôn. Tổ chức truyền thông giảm nghèo trên các phương tiện truyền thanh tại 27 thôn, buôn.

6. Huy động nguồn lực

- Lồng ghép hiệu quả các nguồn lực từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án, chính sách hỗ trợ để thực hiện công tác giảm nghèo.

- Huy động nguồn lực xã hội hóa từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa phương tham gia hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong vận động, kêu gọi nguồn lực hỗ trợ giảm nghèo.

- Khuyến khích các hộ khá, giàu hỗ trợ, giúp đỡ hộ nghèo phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tránh thất thoát, lãng phí.

- Chỉ tiêu cụ thể: Lồng ghép dự án từ các Chương trình mục tiêu quốc gia để hỗ trợ mô hình sinh kế và hỗ trợ khác cho hộ nghèo vươn lên thoát nghèo.

IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Quý III:

- Triển khai các cơ chế chính sách hỗ trợ giảm nghèo.

- Rà soát lựa chọn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng triển khai các chính sách để được thụ hưởng luôn trong năm 2026.

Quý IV:

- Thúc đẩy các giải pháp để các hộ vươn lên thoát nghèo, thoát cận nghèo.

- Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2026, tổ chức tổng kết, đánh giá.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp; lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Ưu tiên nguồn lực thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo về phát triển sản xuất, sinh kế, đào tạo nghề, việc làm và an sinh xã hội.

- Tăng cường huy động nguồn lực xã hội hóa từ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia hỗ trợ giảm nghèo.

- Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; thực hiện thanh quyết toán theo quy định và tăng cường kiểm tra, giám sát.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân xã

- Chịu trách nhiệm toàn diện trong việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch giảm nghèo năm 2026 trên địa bàn; trực tiếp chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng công chức chuyên môn, các ban, ngành, đoàn thể và các thôn, buôn; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

- Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh trong quá trình triển khai thực hiện; kịp thời báo cáo, đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; báo cáo cơ quan cấp trên theo quy định.

2. Phòng Kinh tế

- Là đầu mối tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì xây dựng kế hoạch chi tiết, hướng dẫn các thôn, buôn triển khai thực hiện.

- Chủ trì rà soát, tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; phân tích nguyên nhân nghèo; tham mưu giải pháp hỗ trợ phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Tổ chức triển khai các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế; hướng dẫn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; nhân rộng mô hình giảm nghèo hiệu quả.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các chương trình tín dụng ưu đãi; hướng dẫn hộ nghèo xây dựng phương án sản xuất, sử dụng vốn vay hiệu quả.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch tại các thôn, buôn; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND xã và cấp trên theo quy định.

3. Phòng Văn hoá - xã hội

- Tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững thuộc lĩnh vực phụ trách;

- Chủ trì thực hiện các chính sách về y tế, giáo dục, thông tin, bảo trợ xã hội đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo; đảm bảo các đối tượng được thụ hưởng đầy đủ, kịp thời.

- Phối hợp tổ chức đào tạo nghề, giải quyết việc làm; tham mưu các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn lao động trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách giảm nghèo; nâng cao nhận thức và ý thức tự lực vươn lên thoát nghèo của người dân.

- Theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

4. UB MTTQ xã và các tổ chức chính trị - xã hội

- Phối hợp với UBND xã tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về giảm nghèo bền vững; nâng cao nhận thức, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, vươn lên thoát nghèo.

- Chủ trì, phối hợp triển khai các phong trào, cuộc vận động như “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; vận động ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo”, huy động nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Tổ chức các hoạt động hỗ trợ thiết thực cho hộ nghèo, nhân rộng các mô hình giúp nhau phát triển kinh tế.

- Phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội trong việc thực hiện các chính sách giảm nghèo; tham gia giám sát việc rà soát, bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

- Phối hợp với các ban, ngành liên quan trong kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện công tác giảm nghèo; định kỳ báo cáo kết quả về UBND xã theo quy định.

5. Ban tự quản các thôn, buôn

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch giảm nghèo năm 2026 đến toàn thể Nhân dân; vận động người dân chủ động tham gia thực hiện và vươn lên thoát nghèo.

- Phối hợp thực hiện rà soát, bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo đúng quy định, công khai, minh bạch.

- Trực tiếp quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo; nắm chắc nguyên nhân nghèo của từng hộ để đề xuất giải pháp hỗ trợ phù hợp.

- Xây dựng kế hoạch giảm nghèo cụ thể tại thôn, buôn; phân công trách nhiệm cho các tổ chức đoàn thể, cá nhân theo dõi, giúp đỡ từng hộ nghèo.

- Định kỳ báo cáo UBND xã; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Trên đây là nội dung Kế hoạch giảm nghèo năm 2026 trên địa bàn xã Cư Yang. Đề nghị các ban, ngành, đoàn thể, Ban tự quản các thôn, buôn và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện có hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Sở NN và MT tỉnh;
- TTĐU-TTHĐND xã; (bc);
- UBMTTQ xã (p/h);
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Các phòng chuyên môn UBND xã;
- BTQ các thôn, buôn;
- Lưu: VT, PKT.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Đông

Phụ lục
CHỈ TIÊU GIẢM TỶ LỆ HỘ NGHÈO NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / 6 /2026 của Ủy ban nhân dân xã Cư Yang)

STT	Đơn vị	Số liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025								Chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026					
		Dân số		Hộ nghèo		Hộ nghèo DTTS		Hộ cận nghèo		Hộ nghèo giảm		Hộ nghèo DTTS		Hộ cận nghèo	
		Số hộ dân	Số hộ dân DTTS	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)						
										Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>
1	Thôn 1	200	80	6	3,00		-	14	7,00	3	1,50		0,00	1	
2	Thôn 2	198	30	6	3,03	1	3,33	10	5,05	3	1,52		0,00	1	
3	Thôn 3	127	126	7	5,51	7	5,56	5	3,94	3	2,36	3	2,36	1	
4	Thôn 4	173	5	10	5,78	1	20,00	11	6,36	5	2,89		0,00	1	
5	Thôn 5	162	40	8	4,94	4	10,00	4	2,47	4	2,47	2	1,23	0	
6	Thôn 6	215	14	4	1,86		-	5	2,33	2	0,93		0,00	1	
7	Thôn 7	170	66	5	2,94	2	3,03	9	5,29	3	1,76	1	0,59	1	
8	Thôn 8	197	149	16	8,12	16	10,74	13	6,60	8	4,06	8	4,06	1	
9	Thôn 9	91	11	9	9,89		-	7	7,69	4	4,40		0,00	1	
10	Thôn 10	67	65	7	10,45	7	10,77	8	11,94	3	4,48	3	4,48	1	

11	Thôn 11	71	71	8	11,27	8	11,27	10	14,08	4	5,63	4	5,63	1	
12	Thôn 12	64	16	4	6,25	1	6,25	1	1,56	2	3,13	1	1,56	0	
13	Thôn 13	53	53	8	15,09	8	15,09	10	18,87	4	7,55	4	7,55	1	
14	Thôn 14	120	119	8	6,67	8	6,72	7	5,83	4	3,33	4	3,33	1	
15	Thôn 16	145	141	9	6,21	9	6,38	2	1,38	5	3,45	5	3,45	0	
16	Thôn 17	101	101	3	2,97	3	2,97	10	9,90	1	0,99	1	0,99	1	
17	Thôn 18	109	10	5	4,59		-	10	9,17	2	1,83		0,00	1	
18	Thôn 19	146	5	6	4,11		-	2	1,37	3	2,05		0,00	0	
19	Thôn 20	217	9	7	3,23		-	5	2,30	3	1,38		0,00	1	
20	Thôn 21	160	124	5	3,13	5	4,03	11	6,88	3	1,88	3	1,88	1	
21	Thôn 22	167	161	8	4,79	7	4,35	15	8,98	3	1,80	3	1,80	1	
22	Thôn 23	121	90	5	4,13	5	5,56	5	4,13	3	2,48	3	2,48	1	
23	Buôn Trung	202	199	36	17,82	35	17,59	17	8,42	16	7,92	16	7,92	2	
24	Thôn Ea Bót	120	99	10	8,33	10	10,10	13	10,83	5	4,17	5	4,17	1	
25	Buôn Ea Bô	55	55	15	27,27	15	27,27	16	29,09	7	12,73	7	12,73	2	
26	Buôn Eagal	43	43	22	51,16	22	51,16	8	18,60	9	20,93	9	20,93	1	
27	T. Tân Thành	269	269	100	37,17	100	37,17	29	10,78	42	15,61	42	15,61	2	
	Tổng cộng	3,763	2,151	337	8,96	274	12,74	257	6,83	154	4,09	124	5,76	26	0,69